| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN S**<br>**TỈNH TUYÊN QUANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – hạnh Phúc** |

Bản án số: **09**/2019/HS- ST
Ngày 30/01/2019

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Toàn
- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Văn Hùng
2. Ông Ma Quốc Thể

- *Thư ký phiên toà*: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên toà:* Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/TLST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST- HS ngày 10/01/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐ- HPT ngày 24/01/2019 đối với các bị cáo:

**1.** Họ và tên: Đỗ Văn T; giới tính: Nam; sinh năm 1969, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đỗ Sỹ B, sinh năm 1936; con bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1934; anh, chị em ruột: Có 08 người, bị cáo là con thứ 4; có vợ là: Đào Thị T, sinh năm 1977; Con: Có 02 con. Con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay đổi biện ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt).*

**2.** Họ và tên: Lê Xuân T; giới tính: Nam; sinh năm 1962, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn L, xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 04/10; dân tộc: Sán dìu; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Văn Y (đã chết), con bà Trần Thị S (đã chết); anh, chị em ruột: Có 14 người, bị cáo là con thứ 8; có vợ là: Ma Thị L, sinh năm 1965; con: có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1986, con nhỏ nhất sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay đổi biện ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt).*

**3.** Họ và tên: Nông Thị T; giới tính: Nữ; sinh năm 1984, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nông Văn C, sinh năm 1957, con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; anh, chị em ruột: Có 4 người, bị cáo là con thứ 3; Chồng, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay đổi biện ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt).*

**4.** Họ và tên: Trần Thị N; giới tính: Nữ; sinh năm 1990, tại huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Cao lan; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn T, sinh năm 1957, con bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1959; anh, chị em ruột: Có 9 người, bị cáo là con thứ 6; Chồng: Nguyễn Văn V, sinh năm 1988 (đã ly hôn). Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2018 đến ngày 22/11/2018 được thay đổi biện ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(có mặt).*

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị M, sinh năm 1984; Trú tại: thôn Q, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. *(vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 19/11/2018, sau khi ăn trưa tại nhà hàng Hoa Dong thuộc khu vực ngã ba Sơn Nam, huyện S, Lê Xuân T rủ Đỗ Văn T, Nông Thị T, Trần Thị N đánh bạc bằng hình thức đánh sâm được thua bằng tiền, tất cả mọi người cùng đồng ý. Sau đó, Nông Thị T điều khiển xe mô tô chở Trần Thị N đến quán tạp hóa mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân. Lê Xuân T và Đỗ Văn T đi đến nhà nghỉ Quê Hương thuộc thôn Q, xã S để thuê phòng. Khi đến nhà nghỉ Quê Hương, T là người trực tiếp hỏi thuê phòng để làm địa điểm đánh bạc, nhưng nói dối chủ nhà nghỉ là thuê phòng để nghỉ trưa. Sau đó cả 04 bị cáo cùng tham gia đánh bạc, hình thức đánh Sâm, cụ thể như sau: chia 04 bài mỗi bài 10 quân tú lơ khơ (thường gọi là lá), để tìm ra người đánh trước, người chia bài đầu tiên kẹp ngửa 1 lá bài vào vị trí bất kỳ trong bộ bài sau đó khi chia bài, lá bài ngửa vào bài người nào thì người đó được đánh trước, các ván bài tiếp theo người nào thắng người đó được đánh trước. Mức sát phạt là 5000 đồng/ 1lá bài (nghĩa là sau khi có người đánh hết bài đầu tiên, những người còn lại đếm số lá bài còn trên tay chưa đánh được x với 5.000đ) ra số tiền phải trả cho người thắng. Nếu cả ván bài không đánh được quân nào thì người đó bị "treo" và phải trả cho người thắng là 80.000đ; nếu một người báo Sâm thành công (nghĩa là khi đánh hết số bài trên tay, trừ lần đánh cuối cùng mà không ai bắt

được) thì mỗi người còn lại phải trả cho người báo Sâm 100.000đ; trường hợp người báo Sâm bị bắt thì người báo Sâm phải "đền làng" nghĩa là phải trả cho người đã bắt được là 300.000đ.

Các bị cáo đánh bạc đến 15 giờ 45 phút cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Tang vật thu giữ gồm: 52 quân bài tú lơ khơ, 2.375.000 đồng *(Hai triệu ba trăm bảy lăm nghìn đồng)* trên chiếu bạc, Lê Xuân T tự nguyện giao nộp 01 ví giả da màu nâu bên trong có 1.300.000đ tiền sử dụng đánh bạc, Nông Thị T tự nguyện giao nộp 900.000đ tiền sử dụng đánh bạc, Trần Thị N tự nguyện giao nộp 490.000đ tiền sử dụng đánh bạc, Đỗ Văn T tự nguyện giao nộp 47.500.000đ (T khai là tiền mang theo người để đi mua trâu).

Quá trình điều tra xác định, số tiền đánh bạc của các bị cáo sử dụng cụ thể như sau: Lê Xuân T có 2.000.000đ sử dụng đánh bạc. Lúc đầu, T sử dụng 700.000đ tham gia đánh bạc còn 1.300.000đ để trong ví giả da, nếu thua sẽ lấy tiền trong ví ra tiếp tục đánh bạc. Đỗ Văn T có 1.375.000đ sử dụng đánh bạc. Ban đầu, T sử dụng 875.000 đ đánh bạc, do thua hết nên T lấy thêm 500.000đ (trong số tiền mang theo người để mua trâu là 48.000.000đ) tiếp tục đánh bạc. Trần Thị N có 500.000đ mang từ nhà, sử dụng 10.000đ mua 01 bộ bài tú lơ khơ còn 490.000đ tham gia đánh bạc. Do ván đầu N thắng nên N sử dụng số tiền thắng bạc tiếp tục đánh bạc. Nông Thị T có 1.200.000đ tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang đang thua 300.000đ nên đã giao nộp số tiền còn lại là 900.000đ. Khi bị bắt quả tang, các bị cáo đều để tiền dưới chiếu nên không xác định được thắng thua.

Như vậy tổng số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc là 5.065.000đ *(Năm triệu không trăm sáu lăm nghìn đồng).*

Trên cơ sở kết luận điều tra, ngày 03/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện S ban hành cáo trạng số 07/CT- VKS truy tố đối với Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T, Trần Thị N về tội "*Đánh bạc*" theo khoản 1, Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, sau khi kết thúc phần xét hỏi công khai, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu lời luận tội, giữ nguyên nội dung cáo trạng, truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố: các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T, Trần Thị N phạm tội "*Đánh bạc*".

1. Áp dụng: khoản 1, khoản 3, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 35, 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trần Thị N từ 6 đến 9 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 19 đến ngày 22/11/2018.

Phạt tiền mỗi bị cáo từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

Về vật chứng: áp dụng điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho Đỗ Văn T số tiền 47.500.000đ; trả lại cho Lê Xuân T 01 ví giả da màu nâu; Tịch thu tiêu hủy 52 quân tú lơ khơ; sung công quỹ nhà nước số tiền sử dụng vào việc phạm tội là 5.065.000đ. Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị HĐXX xem xét buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị M: quá trình điều tra, bà Trần Thị M khai khoảng 13 giờ ngày 19/11/2018, khi bà đang ở nhà thì có người đàn ông đến hỏi thuê phòng để nghỉ trưa. Sau khi kiểm tra chứng minh thư người đàn ông tên là Đỗ Văn T bà ghi vào sổ lưu trú và cho ông T thuê phòng 203. Sau đó khoảng 16 giờ cùng ngày có lực lượng công an đến bắt giữ ông T và 03 người khác về hành vi đánh bạc. Việc ông T thuê phòng đánh bạc bà không biết, bà không có yêu cầu đề nghị gì.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nông Thị T, Trần Thị N đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Đỗ Văn T thừa nhận về hành vi phạm tội nhưng ban đầu không thừa nhận vai trò là người trực tiếp thuê phòng trọ để làm địa điểm đánh bạc; bị cáo Lê Xuân T thừa nhận hành vi phạm tội nhưng ban đầu không thừa nhận là người chủ mưu khởi xướng. Sau khi công bố lời khai, công bố T liệu chứng cứ, đối chất lời khai của các bị cáo khác, bị cáo T và bị cáo T mới thừa nhận vai trò rủ rê khởi xướng và chuẩn bị địa điểm đánh bạc của mình. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng là sổ lưu trú đã thu giữ, lời khai người liên quan Trần Thị M và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ đến 16 giờ ngày 19/11/2018 tại phòng 203 nhà nghỉ Quê Hương, thuộc địa phận thôn Q, xã S, các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T, Trần Thị N đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Sâm được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là: 5.065.000đ *(Năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)*. Trong đó bị cáo T sử dụng 1.375.000đ, bị cáo T sử dụng 2.000.000đ, bị cáo T sử dụng 1.200.000đ, bị cáo N sử dụng 490.000đ để đánh bạc. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội *Đánh bạc* theo quy định tại khoản 1, điều 321 Bộ luật Hình sự (BLHS). Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét tính chất, vai trò, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, HĐXX nhận định: đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, động cơ, mục đích sát phạt nhau để kiếm lợi. Bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo T và bị cáo N là người chuẩn bị công cụ đánh bạc; bị cáo T là người thuê địa điểm. Trong vụ án này, bị cáo Lê Xuân T là người sử dụng số tiền đánh bạc nhiều nhất, bị cáo N sử dụng số tiền đánh bạc ít nhất.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, HĐXX nhận định: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ: cả 04 bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, khoản 1, điều 51 BLHS; các bị cáo Nông Thị T, Trần Thị N đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại đoạn 1, điểm s, khoản 1 điều 51 BLHS. Riêng bị cáo Đỗ Văn T, bị cáo Lê Xuân T chỉ thành khẩn một phần về việc thực hiện hành vi đánh bạc, phải thông qua đấu tranh mới thừa nhận về vai trò rủ rê khởi xướng và chuẩn bị địa điểm đánh bạc. Vì vậy việc thành khẩn khai báo một phần của bị cáo chỉ được coi là tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2, điều 51 BLHS. Bị cáo Trần Thị N và bị cáo Nông Thị T đều giao nộp giấy xác nhận có bố đẻ tham gia dân công hỏa tuyến nhưng đây không phải là hình thức khen thưởng nên không xem xét áp dụng là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo.

[5] Về hướng xử lý: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự, an toàn công cộng tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến đời sống kinh tế, xã hội và là một trong những nguyên nhân dễ dẫn đến các tệ nạn xã hội. Thực tế trong thời gian vừa qua tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa bàn xảy ra tội phạm và địa bàn nơi cư trú của các bị cáo diễn biến phức tạp, các tội phạm về cờ bạc, ma túy, trộm cắp... gia tăng. Vì vậy, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đặc biệt là vai trò mức độ thực hiện hành vi, cần xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội đã thực hiện. Cần xét xử bị cáo T và bị cáo T hình phạt cao hơn so với bị cáo T và bị cáo N là phù hợp. Các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ để giáo dục đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Trần Thị N số tiền đánh bạc ít, chuẩn bị công cụ bài tú lơ khơ theo chỉ đạo của bị cáo T nên chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: căn cứ kết quả xác minh và lời khai tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Xuân T đều có T sản, bản thân bị cáo T đang có T sản là khoản tiền tạm giữ gửi tại kho bạc Nhà nước. Vì vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Đỗ Văn T và Lê Xuân T. Đối với bị cáo T và bị cáo N là hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả 02 bị cáo; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Thị N.

[7] Đối với hành vi cho thuê phòng trọ của bà Trần Thị M, do bà M không biết các đối tượng sử dụng phòng trọ làm nơi đánh bạc nên HĐXX không đề cập xử lý.

[8] Về vật chứng: cần áp dụng điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý như sau: đối với số tiền 5.065.000đ thu giữ của các bị cáo là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; số tiền 47.500.000đ thu giữ của bị cáo T là tiền bị cáo mang theo để mua trâu, không sử dụng vào mục đích đánh bạc nên cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 ví giả da màu nâu thu giữ của bị cáo T không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T; 52 quân bài tú lơ khơ là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với giấy phép kinh doanh nhà nghỉ và giấy chứng nhận đảm bảo an ninh

trật tự, sổ lưu trú bản pho to thu giữ của bà Trần Thị M cần lưu hồ sơ làm căn cứ chứng minh;

[9] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[11] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Thị M vắng mặt không có lý do lần thứ hai. HĐXX xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết nội dung vụ án nên tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

*** Về tội danh:** Căn cứ vào khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

**Tuyên bố:** Các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T, Trần Thị N phạm tội *"Đánh bạc"*.

*** Về hình phạt:**

**1.** Căc cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 35; Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Phạt tiền bị cáo 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)*.
- Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 14 (mười bốn) tháng. Phạt tiền bị cáo 15.000.000đ *(mười lăm triệu đồng)*.

**2.** Căc cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, đoạn 1, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Thị T 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng.

Thời hạn thử thách của các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/01/2019).

Giao các bị cáo Đỗ Văn T, Nông Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Hợp Hòa, giao bị cáo Lê Xuân T cho Uỷ ban nhân dân xã Thiện Kế, huyện S, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3.** Căc cứ vào khoản 1, Điều 321; điểm i, đoạn 1, điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Thị N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi số ngày bị tạm giữ là 03 (ba) ngày quy đổi bằng 09 (chín) ngày cải

tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 21 (hai mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Thị N tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã H, huyện S được giao giám sát, giáo dục đối với bị cáo nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

*** Về vật chứng:** Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Văn T số tiền 47.500.000đ *(bốn mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng)* nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo Lê Xuân T 01 ví giả da màu nâu.

- Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền đã tạm giữ là 5.065.000đ *(năm triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng)* (trong đó của bị cáo Đỗ Văn T là 1.375.000đ; của bị cáo Lê Xuân T là 2.000.000đ; của bị cáo Nông Thị T là 1.200.000đ; của bị cáo Trần Thị N là 490.000đ)

*(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện S chuyển vào T khoản số: 3949.0.1064844.00000 là T khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện S mở tại Kho bạc Nhà nước huyện S ngày 11/01/2019).*

*(Tình trạng vật chứng khác như biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/01/2019 giữa Công an huyện S và Chi cục Thi hành án dân sự huyện S).*

*** Về án phí:** Căn cứ vào điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên: các bị cáo Đỗ Văn T, Lê Xuân T, Nông Thị T, Trần Thị N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** căn cứ vào các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên các bị cáo được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 30/01/2019). Trường hợp vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện S;
- Công an huyện S;
- THADS huyện S;
- UBND xã H;
- UBND xã Th;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

**Nguyễn Văn Toàn**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ma Quốc Thể** **Hoàng Văn Hùng** **Nguyễn Văn Toàn**